

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



VIMA WA

TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH

ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN

MÃ HIỆU: QT.VTATPT.17

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phan Nguyễn Hải Hà	Lê Minh Đạo	Lê Đỗ Mười
Chữ ký		 	
Chức vụ	Phó Trưởng phòng VTATPT	Phó Cục trưởng	Cục trưởng

	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

THEO DÕI PHÂN PHỐI

Cục trưởng Lê Đỗ Mười	☒	Phòng Tổ chức cán bộ	☐
Phó Cục trưởng phụ trách	☒	Thanh tra	☐
Phòng Kế hoạch - Tài chính	☐	Phòng Pháp chế	☐
Phòng Hợp tác quốc tế - IMO	☐	Phòng Kết cấu hạ tầng	☐
Phòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường	☐	Bộ phận Một cửa cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	☒
Phòng Vận tải - An toàn và Phương tiện	☒	Ban ISO	☒
Văn phòng	☒		☐

	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

THEO DÕI SỬA ĐỔI

Lần sửa	Ngày sửa	Nội dung và hạng mục sửa đổi

	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

1. MỤC ĐÍCH

Quy định thống nhất về trình tự, thủ tục, trách nhiệm và phương pháp thực hiện TTHC về cấp Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng đối với Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện thủ tục hành chính cấp Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.
- Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký, mua, bán, đóng mới tàu biển.
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.
- Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.
- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.
- Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.
- Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

- Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển là việc cơ quan đăng ký ghi vào sổ đăng ký hoặc nhập vào cơ sở dữ liệu về việc bên bảo đảm dùng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận bảo đảm.

- *TN&TKQ*: Tiếp nhận và Trả kết quả.

- *TBTV*: Tàu biển và Thuyền viên.

- *GCN*: Giấy chứng nhận

- *ĐKBPBĐTB*: Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển.

- *TTHC*: Thủ tục hành chính.

- *NLTT*: Người làm thủ tục.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1. Các tàu biển sau đây được đăng ký theo biện pháp bảo đảm bằng tàu biển:

- Tàu biển đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam
- Tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam

5.2. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

5.3. Cách thức thực hiện:

a) Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;

b) Nộp bản giấy (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện);

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu biển thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

5.4. Thành phần, số lượng hồ sơ:

(I) Hồ sơ đăng ký bao gồm (khoản 1 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP):

(a) Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01c tại Phụ lục (01 bản chính);

(b) Hợp đồng bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực).

(II) Tùy từng trường hợp thì nộp thêm:

(a) Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

(b) Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

(c) Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

(d) Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có

	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

5.5. Thời hạn giải quyết:

Trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

5.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

5.9. Lệ phí: 80.000 đồng/hồ sơ.

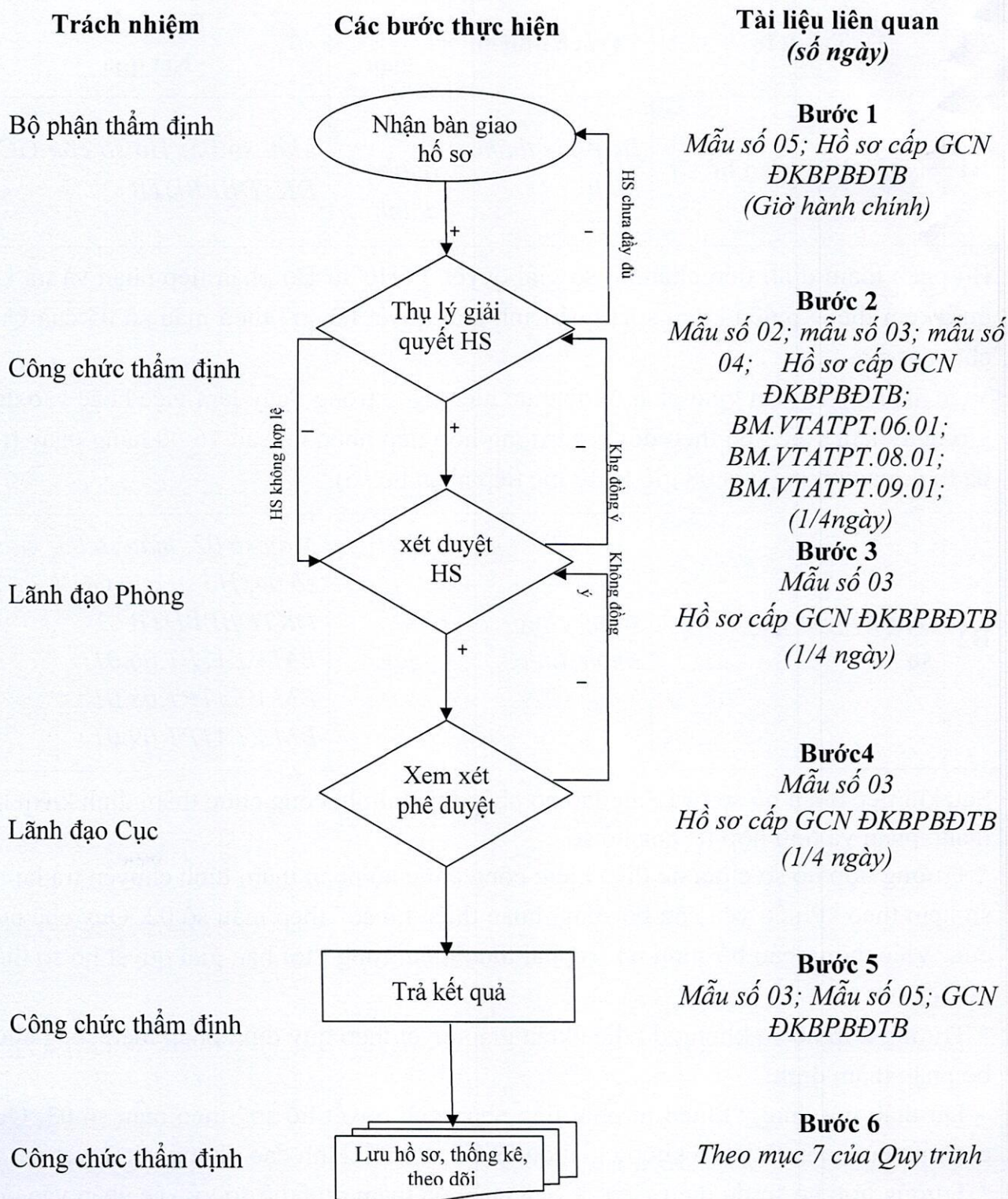
5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mẫu số 01c ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

5.12. Quy trình xử lý công việc

5.12.1. Lưu đồ dòng chảy



	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

5.12.2. Diễn giải lưu đồ

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nhận bàn giao hồ sơ	<i>Bộ phận thẩm định</i>	<i>Giờ hành chính</i>	<i>Mẫu số 05; Hồ sơ cấp GCN ĐKTĐBPBĐTB</i>
Bộ phận thẩm định tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, kèm theo “phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ” theo mẫu số 05 của Quy chế một cửa. Việc nhận hồ sơ bàn giao phải được thực hiện ngay trong ngày làm việc hoặc vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận tại sau 16:00 hàng ngày (tối đa thời gian không quá 08 giờ kể từ lúc tiếp nhận hồ sơ).				
B2	Thụ lý giải quyết hồ sơ	<i>Công chức thẩm định</i>	<i>1/4 ngày</i>	<i>Mẫu số 02; mẫu số 03; mẫu số 04, Hồ sơ cấp GCN ĐKTĐBPBĐTB</i> <i>BM.VTATPT.06.01;</i> <i>BM.VTATPT.08.01</i> <i>BM.VTATPT.09.01</i>
Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Lãnh đạo bộ phận thẩm định, công chức thẩm định kiểm tra thành phần và tính hợp lệ, của hồ sơ. * Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện: công chức bộ phận thẩm định chuyển trả lại hồ sơ kèm theo “Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ” theo mẫu số 02, Quy chế một cửa. Việc thông báo bổ sung hồ sơ phải thực hiện trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định. * Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết theo quy định pháp luật, công chức bộ phận thẩm định: - Dự thảo nội dung “Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ” theo mẫu số 03, Quy chế một cửa, nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ trình lãnh đạo phòng xét duyệt. * Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Công chức đã thẩm định hồ sơ ký xác nhận vào góc hồ sơ và thực hiện bước in giấy đăng ký.				

	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

- Công chức bộ phận thẩm định hồ sơ nhập thông tin vào sổ đăng ký tàu biển quốc gia hoặc sổ đăng ký tàu biển tạm thời hoặc sổ đăng ký tàu biển đang đóng (BM.VTATPT.06.01 hoặc BM.VTATPT.08.01 hoặc BM.VTATPT.09.01) tùy theo loại hình đăng ký của tàu và phần mềm đăng ký tàu biển, in giấy đăng ký

- Trình Lãnh đạo có thẩm quyền ký duyệt.

Lưu ý: Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, trong thời hạn **chậm nhất 01 ngày** trước ngày hết hạn, Bộ phận thẩm định phải thông báo bằng văn bản cho Bộ phận Tiếp nhận & Trả kết quả kèm theo “phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả” theo mẫu số 04, Quy chế một cửa, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời gian đề nghị gia hạn trả kết quả. Việc hẹn lại ngày trả kết quả được thực hiện không quá một lần.

Căn cứ phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, Bộ phận Tiếp nhận & Trả kết quả điều chỉnh lại thời gian trả kết quả xử lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử, đồng thời gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân.

B3	Xét duyệt hồ sơ	Lãnh đạo P. VTATPT	1/4 ngày	Mẫu số 03 Hồ sơ cấp GCN ĐKBPDĐT
-----------	------------------------	-----------------------	----------	------------------------------------

Lãnh đạo phòng thực hiện duyệt hồ sơ:

- Nếu đồng ý với kết quả thẩm định, chuyển hồ sơ cho người có thẩm quyền phê duyệt;
- Nếu không đồng ý với kết quả thẩm định, chuyển hồ sơ về cho công chức thẩm định lại.

B4	Xem xét phê duyệt	Lãnh đạo Cục/ Lãnh đạo Phòng VTATPT	1/4 ngày	Mẫu số 03 Hồ sơ cấp GCN ĐKBPDĐT
-----------	--------------------------	---	----------	------------------------------------

Lãnh đạo Cục/ Lãnh đạo Phòng thực hiện việc phê duyệt hồ sơ:

- Nếu đồng ý phê duyệt, ký duyệt, chuyển Bộ phận TN&TKQ trả kết quả cho NLTT;
- Nếu không đồng ý phê duyệt, chuyển Lãnh đạo phòng/ cán bộ thẩm định chuyên môn kiểm tra lại.

Lưu ý đối với các TTHC Trưởng phòng TBTV đã được Cục trưởng ủy quyền ký cấp:

- Trưởng phòng VTATPT có trách nhiệm thực hiện các bước B3-B4 của quy trình;

	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

- Trường hợp Trưởng phòng không có mặt tại cơ quan từ 01 ngày làm việc trở lên, lãnh đạo phòng được Trưởng phòng ủy quyền phải thực hiện đầy đủ các bước: B3; B4 của quy trình.

B5	Bàn giao kết quả	<i>Công chức thẩm định</i>	<i>Giờ hành chính</i>	<i>Mẫu số 03; Mẫu số 05; GCN ĐKTĐBPBĐTB</i>
-----------	-------------------------	--------------------------------	-------------------------------	---

Công chức thẩm định chuyển kết quả ngay sau khi lãnh đạo phê duyệt cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để thực hiện đóng dấu; hướng dẫn người nhận kết quả thực hiện thanh toán phí và trả kết quả cho người dân.

B6	Lưu hồ sơ, thống kê báo cáo, theo dõi	<i>BP TN&TKQ và P. VTATPT</i>	<i>Theo quy định</i>	<i>Theo mục 7 của Quy trình</i>
-----------	--	---------------------------------------	--------------------------	---------------------------------

Lưu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của Nhà nước về công tác văn thư lưu trữ.

6. BIỂU MẪU/ PHỤ LỤC

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu/ phụ lục
1.	BM.VTATPT.06.01	Sổ đăng ký tàu biển quốc gia
2.	BM.VTATPT.08.01	Sổ đăng ký tàu biển tạm thời
3.	BM.VTATPT.09.01	Sổ đăng ký tàu biển đang đóng

7. LƯU TRỮ HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Mã số	Thời gian lưu	Bộ phận lưu
1.	Sổ đăng ký tàu biển quốc gia	BM.VTATPT.06.01	Theo quy định	Bộ phận thẩm định
2.	Sổ đăng ký tàu biển	BM.VTATPT.08.01	Theo quy	Bộ phận thẩm định

	CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	
	Quy trình đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Ngày ban hành: 30/5/2025
		Lần ban hành: 01
		Mã hiệu: QT.VTATPT.17

	tạm thời		định	
3.	Sổ đăng ký tàu biển đang đóng	BM.VTATPT.09.01	Theo quy định	Bộ phận thẩm định
4.	Hồ sơ cấp GCN ĐKBPBĐTB	Theo quy định		Bộ phận thẩm định

Hồ sơ được lưu trữ, bảo quản tại bộ phận chuyên môn sau đó chuyển xuống lưu trữ của cơ quan theo quy định.

ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

Số:

Loại hình đăng ký: ☐ Không thời hạn ☐ Có thời hạn ☐ Loại nhỏ**I. SỞ HỮU TÀU**

Tên tàu: Hô hiệu Số IMO Mã nhận dạng MMSI:

Chủ tàu (tên; địa chỉ; điện thoại; fax, tỉ lệ sở hữu tàu):
.....

Nguồn gốc (đóng mới, mua bán, tặng cho, thay đổi đăng ký):

Tên tàu cũ (nếu có): Hô hiệu Số IMO

Chủ tàu (tên; địa chỉ; điện thoại; fax):.....

II. ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT CỦA TÀU

Loại tàu:Kiểu máy chính:

Cấp tàu: Số lượng/Tổng công suất: KW

Năm đóng: Tốc độ tàu: hải lý/giờ

Nơi đóng: Định biên thuyền bộ tối thiểu:T/viên

Năm hoán cải:Cơ quan đăng kiểm:

Nơi hoán cải: Số đăng kiểm của tàu:

Vật liệu đóng tàu: Nơi đăng ký:

Chiều dài lớn nhất:m Cơ quan đăng ký

Chiều rộng: m Ngày đăng ký mang cờ quốc tịch:

Chiều cao mạn: m Số GCN đăng ký:

Mớn nước mùa hè: m Ngày đăng ký sở hữu:

Trọng tải toàn phần:Tấn Số GCN đăng ký:

Dung tích toàn phần:GT Ngày cấp lại GCN đăng ký:

Dung tích thực dụng:Tấn Số GCN đăng ký cấp lại:

Số lượng hành khách chở được: người Lần cấp:.....

Người khai thác tàu (tên; địa chỉ; điện thoại;
fax).....

III. ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP TÀU BIỂN, XÓA ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP TÀU BIỂN

Ngày / tháng / năm	Người đề nghị	Nội dung đăng ký	Số GCN

IV. THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

Ngày / tháng / năm	Lý do	Nội dung	Số GCN

V. XÓA ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

Ngày / tháng / năm	Lý do xóa đăng ký	Số GCN xóa đăng ký

ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN TẠM THỜI

Số:

I. SỞ HỮU TÀU

Tên tàu: Hô hiệu Số IMO Mã nhận dạng MMSI:

Chủ tàu cũ (nếu có)

Trụ sở: Điện thoại: Fax:

Chủ tàu:

Trụ sở: Điện thoại: Fax:

Người khai thác

Trụ sở: Điện thoại: Fax:

II. ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT CỦA TÀU

Loại tàu: Cấp tàu:

Năm đóng: Mã nhận dạng MSSI:

Số lượng Boong: Nơi đóng:

Vật liệu đóng tàu: Số lượng hầm hàng:

Chiều dài lớn nhất:m Số lượng cần cẩu:

Chiều dài thiết kế:m Trọng tải toàn phần:Tấn

Chiều rộng: m Trọng tải thực dụng:Tấn

Chiều cao mạn: m Dung tích toàn phần:GT

Số lượng hành khách được chở..... người Dung tích thực dụng:Tấn

Số Đăng kiểm của tàu..... Nơi đăng ký:.....

[illegible]

ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN ĐANG ĐÓNG

Số:

I. SỞ HỮU TÀU

Tên tàu: Hô hiệu Số IMO Mã nhận dạng MMSI:

Chủ tàu cũ (nếu có)

Trụ sở: Điện thoại: Fax:

Chủ tàu:

Trụ sở: Điện thoại: Fax:

Người khai thác

Trụ sở: Điện thoại: Fax:

II. ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT CỦA TÀU

Loại tàu: Cấp tàu:

Năm đóng: Mã nhận dạng MSSl:

Số lượng Boong: Nơi đóng:

Vật liệu đóng tàu: Số lượng hầm hàng:

Chiều dài lớn nhất:m Số lượng cần cẩu:

Chiều dài thiết kế:m Trọng tải toàn phần: Tấn

Chiều rộng: m Trọng tải thực dụng: Tấn

Chiều cao mạn: m Dung tích toàn phần:GT

Số lượng hành khách được chở: người Dung tích thực dụng: Tấn

Món nước mùa hè: m Số lượng/Tổng công suất: KW

Tốc độ tàu: hải lý/giờ Kiểu máy chính:

Định biên thuyền bộ tối đa:T/viên Số GCN đăng ký:

Cơ quan đăng kiểm: Ngày cấp lại GCN đăng ký:

Số Đăng kiểm của tàu: Nơi đăng ký:

III. ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP TÀU BIỂN, XÓA ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP TÀU BIỂN

Ngày / tháng / năm	Người đề nghị	Nội dung đăng ký	Số GCN

IV. XÓA ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN

Ngày / tháng / năm	Lý do xóa đăng ký	Số GCN xóa đăng ký

V. CHUYỂN ĐĂNG KÝ TÀU CHÍNH THỨC

Ngày/tháng/năm	Nội dung